



2. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

2.1 Đặc điểm chung

- Là một dạng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp
- Thể hiện khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- Cần được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng khách hàng



2.2 Kế toán phải thu khách hàng

2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu thu, giấy báo có,
- Biên bản bù trừ công nợ, biên bản xoá nợ – Ghi giảm phải thu khách hàng.

2.2.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 131 “phải thu khách hàng”

131 “Phải thu KH”

-SDĐK: Khoản PT hiện có đầu kỳ

-Khoản PT tăng

- Khoản PT giảm

Dư Nợ: tiền còn phải thu khách hàng

Dư Có: Tiền ứng trước của khách hàng



2.3 Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn có thuế GTGT của bên bán.

2.3.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”.
 - Tk 1331: “Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dv”
 - Tk 1332: “Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ”

2.4 Kế toán phải thu khác

2.4.1 Đặc điểm

Khoản phải thu không phải từ khách hàng, không phải thu nội bộ; chủ yếu từ:

- Tài sản thiếu chưa xác định rõ nguyên nhân, còn chờ xử lý
- Bồi thường vật chất.
- Phải thu về đầu tư tài chính, thu lệ phí, thu khác...
- Khoản tiền nhờ đơn vị nhận nhập, xuất khẩu uỷ thác, đại lý... để lo chi phí xuất nhập khẩu.

2.4.2 Chứng từ

- Biên bản kiểm nghiệm (vật tư, sản phẩm, hàng hoá)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá..., B
- Biên bản xử lý tài sản thừa thiếu

2.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 138 "Phải thu khác"

- **Tk 1381: "Tài sản thiếu chờ xử lý":**
Tài sản thiếu chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý
- **Tk 1388: "Phải thu khác":** Theo dõi khoản phải thu khác



CẢM ƠN ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE!

HỎI – TRẢ LỜI
BÀI TẬP